# ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ĐẶNG HÀ CHI**

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC VĂN HÓA

**Chuyên ngành : CNDVBC & CNDVLS**

**Mã số : 62 22 80 05**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC**

**Hà Nội - 2015**

***Công trình được hoàn thành tại:***

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn**

Phản biện

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm luận án tiến sĩ họp tại

Vào hồi……...giờ…… ngày…… tháng……..năm 20..........

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

**MỞ ĐẦU**

## 1. Lý do chọn đề tài

Đối với đất nước đang tạo dựng những tiền đề của chủ nghĩa xã hội như Việt Nam thì việc nghiên cứu những vấn đề lý luận, trong đó có những vấn đề triết học văn hóa lại càng có ý nghĩa cấp thiết, bởi đó là một phần của sự suy ngẫm tất yếu về quá trình hình thành và phát triển của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Điều đó đòi hỏi phải nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về bản chất của văn hóa, về mối tương quan của văn hóa với xã hội, văn hóa và con người, văn hóa và tự nhiên, văn hóa và hoạt động... Đó đều là những vấn đề thuộc thẩm quyền của phân tích triết học về hiện tượng văn hóa. Sự phân tích triết học về văn hóa có ý nghĩa cả lý luận lẫn thực tiễn.

Những vấn đề văn hóa, xây dựng văn hóa là những vấn đề được Đảng cộng sản Việt Nam quan tâm chú ý ngay từ những ngày đầu thành lập. Hiện nay, việc Đảng và Nhà nước ta quan tâm tới phát triển văn hóa xuất phát ngay từ tính tất yếu thực tiễn phải giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội hiện đang rất gay gắt ở nước ta. Đảng ta đã xác định, văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Mặt khác, trước quá trình hội nhập và phát triển hiện nay của thế giới, toàn cầu hóa trở thành một xu thế phát triển tất yếu, sự phát triển đất nước còn cần phải đối mặt với quá trình hòa nhập về văn hóa, việc giữ gìn bản sắc văn hóa cũng là một trong những yêu cầu quan trọng không thể tách rời trong quá trình hội nhập đó. Mối liên hệ nội tại giữa phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội

Như vậy là cần phải vạch rõ và luận chứng cho mối liên hệ nội tại của các quá trình đó. Và sự luận chứng đó cần phải dựa trên một cơ sở lý luận triết học xác định. Cơ sở đó, theo chúng tôi, chỉ có thể là cách hiểu duy vật về lịch sử, vì thế một vấn đề cũng rất cấp thiết liên quan đến triết học văn hoá là phải hiểu lại cho đúng thực chất của cách hiểu này. Ngoài ra, cũng rất cần một lý luận triết học đúng đắn về văn hoá để có thể quy tụ, dẫn dắt các ngành khoa học khác về văn hoá có những tìm tòi đúng hướng để cùng nhau thúc đẩy văn hoá nước nhà có thêm những khởi sắc. Với những lý do đó NCS chọn ***Một số vấn đề triết học văn hoá*** làm đề tài luận án của mình.

## 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- *Mục đích*: Luận án xuất phát từ việc khảo sát các tư tưởng về văn hóa và triết học văn hoá trong lịch sử triết học Tây Âu từ thời Cận đại, qua quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen nhằm làm sáng tỏ những nội dung chủ yếu của triết học văn hoá trên (theo) tinh thần mácxít.

- *Nhiệm vụ*:

+ Trình bày và phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng về văn hoá và triết học văn hoá từ thời cận đại đến trước Mác.

+ Luận chứng cho cách tiếp cận duy vật lịch sử của Mác trong nghiên cứu văn hoá: những nguyên tắc biện chứng duy vật chủ đạo trong việc vạch ra thực thể – chủ thể của văn hoá.

+ Làm rõ sự phát sinh, phát triển của văn hoá và sự bộc lộ bản chất của nó trong hoạt động cải biến đối tượng của con người, một số biểu hiện cụ thể của mối quan hệ văn hoá và tự nhiên trong các thời đại lịch sử khác nhau.

## 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

*- Đối tượng* nghiên cứu là những vấn đề và các cách tiếp cận trong nghiên cứu triết học về văn hoá.

*- Phạm vi* nghiên cứu là các quan điểm điển hình về văn hoá từ thời Cận đại đến nay.

## 4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- *Cơ sở lý luận*: nghiên cứu được tiến hành dựa trên quan điểm duy vật lịch sử mác-xít về bản chất hoạt động xã hội của con người, quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng và những thành tựu nghiên cứu mới về triết học văn hóa được công bố gần đây.

- *Phương pháp*: luận án dựa vào nguyên lý duy vật biện chứng về mối liên hệ phổ biến và phát triển, sử dụng các phương pháp phân tích - tổng hợp, thống nhất lịch sử - lôgic, đi từ trừu tượng đến cụ thể, hệ thống - cấu trúc.

## 6. Cái mới dự kiến của luận án

Có thể nói, đây là luận án tiến sĩ đầu tiên của nước ta khảo cứu, phân tích và trình bày có hệ thống để làm rõ những nội dung triết học văn hóa ở khía cạnh lịch sử hình thành của khoa học này, các vấn đề nghiên cứu của nó như chỉ ra đối tượng, phương pháp nghiên cứu, qua đó chỉ ra tính độc lập của nó đối với các ngành khoa học khác cũng nghiên cứu về văn hóa. Qua những nội dung nghiên cứu này để thấy được những giá trị trong nghiên cứu văn hóa của triết học macxit và định hướng nghiên cứu về đối tượng văn hóa đối với các ngành khoa học khác.

## 7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Có thể coi luận án là một nghiên cứu chuyên khảo tương đối hoàn chỉnh về những vấn đề triết học cơ bản của lý luận văn hoá. Luận án sẽ khảo sát các vấn đề bản chất và sự vận động của văn hoá, mối liên hệ của nó với tự nhiên, xã hội, với hoạt động con người.

Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu, giảng dạy và học tập triết học Mác - Lênin và lý luận về văn hoá.

## 8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án gốm 4 chương, 14 tiết

**Chương 1. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU**

**VỀ VĂN HOÁ VÀ TRIẾT HỌC VĂN HOÁ**

## 1.1. Những nghiên cứu về tư tưởng văn hóa trong triết học trước Mác

Giai đoạn thứ nhất gắn với hệ thần thoại, các tín ngưỡng bí truyền sơ kỳ và đa thần giáo, rồi gắn với sự xuất hiện các tôn giáo lớn (Do thái giáo, Phật giáo, Ky tô giáo, Hồi giáo), kế đến là gắn với thời Cổ đại và Trung cổ. Lúc đó thuật ngữ “văn hóa” còn chưa được dùng, nhưng thời này ở phương Đông (Ai Cập, Trung Hoa, Ấn Độ, Trung và Cận Đông) cũng như phương Tây (Hy Lạp, La Mã cổ đại) đã có những thành tựu văn hóa. Văn hóa thời kỳ nay đã được phản ánh cả trong triết học. Các nhà tư tưởng lớn của thời cổ đại như Khổng tử (551-479 TCN), Đemocrite (460-371 TCN), Socrate (470-399 TCN), Platon (427-347 TCN), Aristote (384-322 TCN), Epicure (341-270 TCN)… bằng các tư tưởng của mình đã làm giàu cho có thêm cho cách hiểu về văn hóa.

Đến thời Trung cổ, các quan niệm về văn hóa về cơ bản đều mang tính tôn giáo - thần bí. Tuy nhiên, ngay cả ở Thomas Aquinas (1225-1274) - nhà triết học và thần học tiêu biểu, người đã hệ thống hoá tri thức kinh viện Cơ đốc giáo chính thống, thì cũng cho rằng con người vốn được Thiên chúa phú cho các đặc điểm của một giá mang văn hóa.

Thời đại Phục hưng ở châu Âu (thế kỷ XIV-XVI), như nhà nghiên cứu V.M. Mezhuev nhận xét, là thời kỳ đặc biệt đánh dấu sự quá độ từ văn hóa Trung cổ sang văn hóa thời Cận đại. Niềm tin vào những khả năng vô hạn của lý tính con người được thể hiện trong các tác phẩm của những nhà triết học lớn người Italia thế kỷ XV Pico Mirandira và Lorenso Valla, những người đã lên tiếng đòi giải phóng con người khỏi chủ nghĩa khổ hạnh Cơ đốc giáo. Các tác phẩm trong lĩnh vực nghệ thuật mang tính nhân đạo của các nhà hoạt động thời Phục hưng đã có những ảnh hưởng rất sâu rộng về mặt văn hóa. Trước hết phải kể đến những kiệt tác của Leonardo de Vinchi, Raphael, Mikelangelo…

## 1.2. Những nghiên cứu tư tưởng của Mác về văn hóa

Nhiều tác giả cho rằng Mác không trực tiếp nói đến vấn đề văn hóa nhưng trong học thuyết của ông, tư tưởng về văn hóa thể hiện sinh động và sâu sắc mà có thể tìm ra nhiều chỉ dẫn lý luận và phương pháp luận hữu ích cho nghiên cứu và thực hành văn hóa, bởi nó được tiếp nối và phát triển quan niệm văn hóa từ toàn bộ truyền thống triết học trước đó với tư cách một hiện thực phổ quát mang tính người rất gần nghĩa với quá trình đào luyện. Mác đã giải thích nó trong khuôn khổ cách hiểu duy vật về lịch sử, đặt nó học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. Dựa trên phương thức sản xuất khác nhau, mỗi hình thái đều sản sinh ra văn hóa mà dấu hiệu khu biệt của nó là đặc trưng giai cấp.

**1.3. Các nghiên cứu chính sau Mác về văn hóa**

Ở phần này chúng tôi muốn nói đến các nghiên cứu rất đa dạng ở thời cận hiện đại về văn hóa, trong đó có những hạt nhân tư tưởng về và rồi sẽ cùng nhau dẫn đến triết học văn hóa ở nghĩa hiện đại của khái niệm này. Đây cũng là những cơ sở để chúng tôi thêm chắc tin rằng, tiếp cận duy vật lịch sử (hoạt động) đối với nghiên cứu văn hóa trong triết học macxit có căn cứ khoa học và thực tiễn, đồng thời cũng là cách tiếp cận bao quát hơn cả..

## 1.4. Về khái niệm triết học văn hóa và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Triết học làm sáng tỏ quan hệ thực tiễn của con người với văn hóa, vạch ra không chỉ điều kiện mang lại cho con người tri thức về văn hóa, mà chủ yếu những điều kiện để con người sinh tồn trong văn hóa. Triết học văn hóa sẽ hoá giải điều mà một số nhà triết học cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX (như F. Nietzsche, O. Spengler,N.Berdiev) đã bày tỏ như những lo âu rằng, sự phát triển của lý tính khoa học sẽ làm cho văn hóa trở nên không còn tính tinh thần, không có trái tim. Chính vì vậy nghiên cứu và truyền bá triết học văn hóa chính là giúp mọi người hiểu được văn hóa của mình, sứ mệnh tồn tại của bản thân mình là để hành động và cải tạo thế giới một cách thực tiễn có văn hóa.

**Chương 2.**

**VẤN ĐỀ VĂN HOÁ TRONG TRIẾT HỌC TRƯỚC MÁC**

**2.1. Các quan điểm triết học Tây Âu Cận đại về văn hóa**

***2.1.1. Từ chủ nghĩa nhân văn Phục hưng đến chủ nghĩa duy lý cổ điển: cá nhân tự do và lý tính***

Đối với các nhà triết học duy lý thế kỷ XVII (Descartes, Spinoza, Leibniz) tính tự trị và tự do là đặc trưng chỉ có ở sinh thể lý tính. Không chỉ đối với Đêcactơ mà còn cả đối với các nhà triết học khác của thế kỷ XVII khởi điểm lý tính trong con người là đồng nghĩa với hành động tích cực tự do của họ. Nhưng nếu với tư cách là sinh thể lý tính con người có tự do và tự trị thì với tư cách sinh thể tự nhiên họ lại nằm dưới sự thống trị của tính tất yếu tự nhiên. Bản tính tự nhiên và tinh thần kết hợp với nhau trong con người như thế nào? Đối với các nhà triết học thế kỷ XVII đây là vấn đề phần nhiều chưa được giải quyết, hoặc là được giải quyết một cách siêu hình: họ hiểu mối quan hệ giữa thể xác và tinh thần như là hằng số không đổi, nhất thành bất biến.

***2.1.2. Chủ nghĩa lịch sử Cận đại về sự phát triển của văn hóa và con người***

Khi tìm cách trả lời câu hỏi đó, trong triết học cận hiện đại có trường phái hướng đến “bản chất tự nhiên” của con người, thấy ra trong bản chất đó cơ sở cho mọi biến thể văn hóa, có trường phái lại hướng đến bản chất tinh thần của con người. Kết quả là hai khuynh hướng triết học đó dường như quay trở lại xuất phát điểm, khi tái tạo lại, nhưng ở trình độ văn hóa - lịch sử cái antinomie thể xác và tinh thần, đồng thời tách biệt thế giới và chính con người ra thành hai lĩnh vực loại trừ nhau. Tính hạn chế cố hữu ở triết học cận hiện đại trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học còn thể hiện ở việc nó không thể xây dựng một quan niệm chỉnh thể và thống nhất về văn hóa. Như vậy là đã xuất hiện trong triết học trước Mác các cách luận giải giải đối lập nhau là tự nhiên và duy tâm về văn hóa. Sự đối lập đó rốt cuộc đã phá vỡ tính chặt chẽ trong lý luận về văn hóa thời kỳ này.

## 2.2. Triết học Khai sáng về văn hóa

***2.2.1. Chủ nghĩa tự nhiên về văn hóa trong Khai sáng Pháp***

Các nhà Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII do cách hiểu thế giới theo lối tự nhiên chủ nghĩa cho nên họ còn không làm rõ được đến cùng những cơ sở triết học và phương pháp luận của lý luận xã hội về văn hóa. Thậm chí khoa học văn hóa trong hệ thống các quan điểm của họ cũng chưa có được ý nghĩa phạm trù, chứ chưa nói gì về chuyện phần lớn các nhà duy vật Pháp hầu như chưa có khái niệm đó. Sự phê phán chứa đựng trong các tác phẩm của họ đối với nền văn minh đang tồn tại (chế độ phong kiến quân chủ) được tiến hành trên danh nghĩa của cá nhân “tự nhiên” (tức là tư sản) và vì thế nó không hướng đến văn hóa của nó, mà chủ yếu là đến bản tính, đến “tính tự nhiên” của nó. Vì thế, họ không vạch ra được đặc thù về chất của văn hóa khác biệt với tự nhiên. Vì thế chủ nghĩa lịch sử trong cách hiểu xã hội và con người vốn có ở các nhà khai sáng Pháp chưa vươn lên được đến trình độ quan điểm triết học lý luận độc lập về lịch sử và văn hóa.

***2.2.2.Sự tiếp nối chủ nghĩa tự nhiên về văn hóa trong Khai sáng Đức***

Bản chất của cách tiếp cận đó là ở việc phát hiện ra trong lịch sử “cơ sở hợp lý” các sự kiện và hiện tượng diễn ra trong lịch sử. “Lý tính” được hiểu không chỉ như năng lực chủ quan của nhận thức con người, mà còn như cơ sở khách quan của bản thân hiện thực, có khả năng làm tương thích và gắn kết từ bên trong các bộ phận hợp thành của nó. Lý tính siêu cá nhân (“tinh thần”) đó là sức mạnh phổ quát liên tục và tích cực được bộc lộ ở mọi hiện tượng của thế giới hiện thực, nó có tính chất của “sự hài hòa thế giới”. Chủ nghĩa duy lý kiểu Leibniz vốn thừa nhận sự thống nhất mang tính nguyên tắc các thế giới tự nhiên và lịch sử, đã trở thành tiền đề xuất phát điểm của “triết học lịch sử” ở một trong những đại diện xuất sắc của Khai sáng Đức là J.G. Herder (1744-1803).

## 2.3. Vấn đề văn hóa trong triết học cổ điển Đức

***2.3.1. Tư tưởng của Kant về văn hóa***

Theo sơ đồ Kant, lịch sử thế giới (cũng là lịch sử văn hoá) đã khởi đầu từ điểm nhân loại bước ra khỏi trạng thái tự nhiên và kết thúc bằng việc họ chuyển sang tình trạng tinh thần (“trạng thái đạo đức”), bằng “nền hòa bình vĩnh cửu” giữa các dân tộc. Văn hóa chỉ có thể giữ gìn chính mình bằng cách hoàn thành công việc nó đã bắt đầu, tức là biến con người từ sinh thể thể chất thành sinh thể tinh thần.

Tính duy tâm của triết học Kant về văn hóa không phải ở sự thừa nhận tầm quan trọng của khởi điểm đạo đức đối với sự phát triển văn hóa của nhân loại (các nhà duy vật Pháp cũng gán cho đạo đức ý nghĩa như thế). Nhưng nếu các nhà Khai sáng xuất phát từ chỗ khởi đề đạo đức trong con người không tách khỏi bản tính tự nhiên, bẩm sinh ở họ, thì ở Kant nó lại được suy ra từ bản chất của lý tính ở con người và nó không có gì chung với những ước vọng tự nhiên của họ.

***2.3.2. Triết học văn hoá lãng mạn Đức thế kỷ XVIII***

Tư tưởng lấy thẩm mỹ khắc phục các mâu thuẫn của hiện thực là nhiệm vụ chủ yếu của văn hóa được phản ánh trong triết học của chủ nghĩa lãng mạn Đức (anh em nhà Augustin và Friedrich Schlegel, Novalis, L. Tieck, V. Wackenroder, F.Holderlin).

Các nhà lãng mạn vừa phủ nhận nền văn minh hiện đại như là trạng thái thù nghịch với con người, vừa đặt đối lập nó với thế giới các biểu tượng thi ca mờ ảo, những giấc mơ thần bí, những ảo mộng hoang đường. Trong thế giới đó con người bị tách ra khỏi đời thường, trần tục, và chỉ tuân thủ quyền lực trực giác cùng những ý tưởng thi ca. Nghệ thuật cho phép con người thoát khỏi thực tế, vượt lên trên những xung đột hiện thực của nó, bảo toàn bản sắc của nó. Ở các nhà lãng mạn, thi ca là hiện thực chân chính đối ngược lại cuộc sống cá nhân tăm tối, mù quáng và đầy trắc trở.

***2.3.3. Triết học văn hoá của Hegel***

Trong khi gắn chặt con người vào nội dung đặc thù của đời sống và hoạt động của họ trong xã hội, thì chính do tính chất trừu tượng chung hình thức của nó mà văn hóa cũng đồng thời gắn con người với cái chung, buộc phải hành động phù hợp với “ý kiến phổ biến”, phải chú trọng lợi ích chung của xã hội, hành động phù hợp với nó, tức là sống một cuộc sống chung. Mặc dù từ phía cá nhân, văn hóa hiện ra như là *lao động vất vả* chống lại tính chủ quan đơn thuần của hành vi, thì từ phía nội dung khách quan nó lại là “*hiện thực* của Ý niệm”. Nhờ có văn hóa cá thể được tiếp cận không phải với bản chất tự nhiên, mà với bản chất tinh thần của thế giới, bản chất làm cơ sở bản thể của nó. Sự tiếp cận đó chỉ có trong ý thức, tư duy, cho nên toàn bộ ý nghĩa của “văn hoá” và “giáo dục” của các cá nhân, toàn bộ nội dung sự phát triển văn hóa của họ là ở việc nâng tính đơn nhất và tính đặc thù của họ lên tầm phổ quát và vô hạn của đời sống tinh thần. Văn hoá trở nên đồng nhất với sự tồn tại của một cá nhân là sinh thể biết tư duy, trở thành quá trình giải phóng cá nhân khỏi tất cả cái tự nhiên và cái hữu hạn.

## Kết luận chương 2

Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng về văn hóa thực sự đã bắt đầu từ rất lâu trong lịch sử nhận thức của nhân loại, các tư tưởng được định hình phụ thuộc nhiều vào điều kiện hoạt động thực tiễn của con người ở mỗi một giai đoạn lịch sử khác nhau. Các nhà tư tưởng đã đặt ra những vấn đề về khả năng tồn tại của văn hóa cũng như khả năng con người nhận thức sự tồn tại đó như thế nào. Đã có nhiều cách lý giải khác nhau về vấn đề này trong lịch sử triết học.

**Chương 3.**

**NHẬN THỨC VĂN HOÁ TRONG TRIẾT HỌC MÁC**

## 3.1. Các nguyên tắc duy vật chủ nghĩa trong nhận thức văn hóa

***3.1.1. Sự phê phán duy vật biện chứng các quan niệm trước về văn hoá***

Mác và Ăngghen phê phán chủ nghĩa duy vật trực quan và chủ nghĩa duy tâm, nhưng không phủ nhận ư nghĩa của thực tiễn trong việc giải thích thế giới hiện thực. Khi nhìn thấy thế giới là sản phẩm của sự phát triển xã hội loài người, của hoạt động sản xuất xã hội của họ, Mác còn lý giải nó như là thế giới văn hóa. Tuy nhiên, đối lập với triết học duy tâm, triết học Mác hiểu thế giới không chỉ là sản phẩm của hoạt động vật chất, mà còn là xuất phát điểm để giải thích bản chất và nguồn gốc tồn tại của văn hóa.

***3.1.2. Nguyên tắc khách quan***

Văn hóa là khách thể đặc biệt phức tạp đòi hỏi những phương tiện và cách thức nghiên cứu đặc thù. Không thể suy xét về nó hoàn toàn bằng các phương pháp nhận thức tự nhiên, do vậy cũng không thể đồng nhất nhận thức văn hóa với nhận thức tự nhiên. Văn hóa là khách thể phi tự nhiên, nó khác với thế giới các sự vật tồn tại một cách tự nhiên. Không phải vì văn hóa loại trừ tự nhiên ra khỏi mình, mà ngay cả khi bao hàm nó dưới dạng được cải biến một cách vật chất hay tinh thần, thì tự nhiên đó cũng không thể giống văn hóa. Tính phi tự nhiên là đặc trưng rõ ràng nhất cho sự đối ngược vô hạn của văn hóa với tự nhiên

***3.1.3. Nguyên tắc trừu tượng hoá***

Sự vật có một năng lực phát xạ từ mình “ý nghĩa con người”, đó là đặc trưng cho sự vật không phải như khách thể tự nhiên mà như đối tượng văn hóa. Văn hoá trong cách hiểu của Mác là hình thức con người của của cải xã hội vốn có thể tồn tại cả trong hình thức xa lạ với họ - như hình thức tư bản vật chất hay tư bản tiền tệ.

## 3.2. Lao động phổ biến - thực thể của văn hóa

***3.2.1. Lao động xã hội - nguồn gốc của văn hoá***

Cách hiểu duy vật về lịch sử đã khẳng định nhờ có lao động người ta không chỉ sống một đời sống thể xác, mà còn một đời sống xã hội, có lịch sử và xây dựng tương lai của mình một cách xác định.Chỉ có trong lao động mới cần và có thể tìm ra nguyên nhân chủ yếu của các biến đổi lịch sử, của tất cả những gì tạo thành sự phát triển xã hội của con người. Việc chủ nghĩa duy vật lịch sử giải thích bản chất của văn hóa con người cũng gắn liền với những quan niệm này.

***3.2.2. Đặc điểm của lao động xã hội phổ biến***

 Lao động phổ biến không làm đối lập nội dung xã hội với nội dung cụ thể của nó, mà làm chúng thống nhất với nhau.

Nếu lao động trừu tượng thờ ơ với nội dung cụ thể của mình thì lao động phổ biến lại gắn liền chặt chẽ với nội dung đó. Nó sản xuất ra mối liên hệ xã hội (phổ biến) ở hình thức sản phẩm hoạt động rất cụ thể, và sản phẩm đó thường biểu hiện như là đối tượng của văn hóa. Như vậy, sản phẩm của lao động phổ biến có giá trị văn hoá chính là vì dưới hình thức cá nhân không trùng lặp nó thể hiện một thứ có giá trị đối với những nhóm khá đông người, gắn kết họ vào một cái chung duy nhất.

## 3.3. Nguyên tắc lịch sử trong nhận thức văn hóa

## 3.3.1. Sự đa dạng và thống nhất lịch sử của văn hóa

Văn hóa là hiện tượng lịch sử ở từng thời kỳ lịch sử cụ thể đều có hình thái tồn tại đặc thù. Vấn đề văn hóa được đặt ra khi con người một mặt, nỗ lực vạch mở những nét đặc thù và độc đáo của đời sống các dân tộc, đất nước hay vùng miền riêng rẽ, mặt khác, lại so sánh đối chiếu chúng với những khác biệt của đời sống các dân tộc khác, cố hiểu ý nghĩa của chúng đối với hiện tại và tương lai.

***3.3.2. Tương quan cái đặc thù và cái phổ biến trong sự phát triển văn hóa***

Chủ nghĩa lịch sử thực sự chân chính luôn hướng tới vạch ra và khám phá cái đặc thù, cái cụ thể, cái đặc trưng trong văn hóa. Không có “văn hóa nói chung”, cũng như “xã hội nói chung”. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ làm sao phát hiện ra trong văn hóa phẩm chất hay thuộc tính cơ bản để tách biệt các hình thức đặc thù của nó, để phân biệt một hình thức này với hình thức khác.

Khái niệm “kiểu” (hay “trình độ”) văn hóa không chỉ đơn thuần ghi nhận điểm đặc biệt tự nhiên hay xã hội thấy được bằng kinh nghiệm của đời sống người ở các cộng đồng hay thời đại lịch sử khác nhau.

## Kết luận chương 3

Như vậy, nhận thức đối tượng văn hóa đòi hỏi cần phải có những phương tiện và cách thức đặc thù. Khi nhận thức đối tượng văn hóa cần tuân thủ nguyên tắc khách quan, nghĩa là chúng vẫn phản ánh những thuộc tính khách quan xác định, tồn tại không phụ thuộc vào ý muốn của con người. Mặt khác, thao tác trừu tượng hóa cũng được Mác sử dụng đã khắc phục được chủ nghĩa tự nhiên khi đồng nhất tự nhiên với văn hóa mà vẫn tránh được thái cực khác là tách biệt hoàn toàn tự nhiên và văn hóa theo như chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm đã làm, theo đó, văn hóa được hiểu là hình thức tồn tại của con người, thể hiện các năng lực của con người với tư cách là chủ thể của quá trình cải biến thế giới - quá trình ấy chính là lao động

**Chương 4**

**CON NGƯỜI, HOẠT ĐỘNG VÀ VĂN HOÁ**

**4.1. Đặt thực mục đích và bản chất văn hóa của hoạt động cải biến - đối tượng**

***4.1.1. Về hoạt động tự giác hướng đích của con người***

Việc đặt thực (đặt ra và thực hiện) mục đích cũng chính là đặc điểm quyết định của hoạt động như là nguyên tắc phương pháp luận của triết học macxit trong phân tích các hành vi xã hội của cá nhân, đồng thời là nguyên tắc trong việc hiểu văn hóa. Thực chất của nguyên tắc đó được Mác diễn đạt: “Lịch sử *chẳng qua chỉ* là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình” [63, 141]. Với cách đặt vấn đề như thế thì hoạt động sống của con người không hẳn là thực hiện các vai trò xã hội này hay khác bị quy định bởi hệ thống xã hội tồn tại không phụ thuộc vào họ. Dĩ nhiên, điều đó không phủ nhận tính bị quyết định xã hội của hoạt động con người. Tuy nhiên, xã hội phải được xét trong sự phát triển lịch sử, mà con người chính là chủ thể. *Hoạt động là hành vi xã hội của con người được họ thực hiện ở tư cách là chủ thể của quá trình lịch sử-văn hóa có điểm đặc thù là sự tác động tích cực, tự giác, sáng tạo lên thế giới khách quan*.

***4.1.2. Đối tượng hoá và giải đối tượng hoá - biểu hiện của tính tích cực, sáng tạo trong hoạt động con người***

Những kinh nghiệm xã hội đã có không thể đảm bảo cho sự phát triển. Nó tất yếu cần được mở rộng, làm sâu sắc, phát triển thêm, buộc kinh nghiệm phải chuyển sang hình thức hoạt động - *giải đối tượng hoá*, ở đó con người sử dụng kinh nghiệm đã tích luỹ để kiến tạo các phương thức phát triển mới, tìm kiếm những mối liên hệ mới với khách thể.

Suy ra, sự đặt thực mục đích trong hoạt động là quá trình hình thành con người toàn diện lấy sự phát triển bản chất xã hội của bản thân mình làm mục tiêu phổ biến cho sự cải tạo tự nhiên. Vì thế, con người đã định hình mục đích không phải ở việc đối tượng thoả mãn nhu cầu như thế nào, mà ở chỗ họ đã thấy trước kết quả của hoạt động kiến tạo. Kết quả này thể hiện sự hình thành chủ thể của hoạt động, tạo lập các năng lực mới của con người, phát triển bản chất xã hội, hoạt động của họ, và suy cho cùng chính là sự phát triển của xã hội. Nói cách khác, sự phát triển các năng lực mới trở thành cơ sở cho con người tiếp tục chinh phục thế giới khách quan, cũng tức là làm giàu có thêm cho thế giới con người. Và đến lượt mình, điều đó lại mở rộng thêm những chân trời cho sự phô diễn những sức mạnh người.

**4.2. Văn hóa và tự nhiên**

***4.2.1. Văn hóa trong sự tương tác con người - tự nhiên***

*Thứ nhất*, ngay ở địa bàn hạn chế đó thì mối liên hệ của cá nhân với tự nhiên cũng được trung giới bởi xã hội. Điều này được thể hiện lý luận ở chỗ, không phải sản xuất và tiêu dùng là tự thân nó, mà trước hết là trao đổi và phân phối, tức là một kiểu quan hệ xã hội xác định của sản xuất, mới là những thời đoạn quyết định của kinh tế chính trị học. *Thứ hai*, mối liên hệ “tự nhiên” đó thể hiện không đơn thuần là môi trường sống tự nhiên, mà như là “tự nhiên lịch sử”. Để hiểu tính chất xã hội của sản xuất đòi hỏi phải làm rõ cái làm cho homo economicus khác với homo sapiens, tức là phải giải thích làm thế nào mà sản xuất vật chất trở thành địa bàn tồn tại của văn hóa.

***4.2.2. Một số đặc điểm của văn hóa biểu hiện qua mối quan hệ con người - tự nhiên***

“Chất mới” mà tự nhiên có được nhờ tương tác với con người là gì. Đó là kết quả hình thành sự thống nhất nội dung bên trong của mối quan hệ này. Biểu hiện của sự thống nhất đó chính là quan hệ của con người với tự nhiên như là với “thân thể vô cơ” của mình. Trong sự thống nhất đó, con người đã lộ rõ năng lực trở thành chủ thể, tức là năng lực hành động phù hợp với mọi tính quy định phổ biến của khách thể, bởi sự thống nhất đó mang tính chất phổ biến, chứ không phải tính hạn chế hình thức (như trong tiêu dùng).

Khi sáng tạo thế giới của mình (“thiên nhiên thứ hai”) con người hành động không phải tuỳ tiện, mà xuất phát từ những mối liên hệ, những thuộc tính khách quan của chính thế giới khách quan phù hợp với những khả năng mà họ nắm được trong chính tự nhiên theo mức độ họ chinh phục nó, khi lấy sự phát triển trước đó và kinh nghiệm đã được tích luỹ làm tiền đề. Sự tuỳ tiện các hành vi có nghĩa là nó đã chối bỏ sự tồn tại khách quan của sự vật, hành vi đó nằm ngoài văn hóa.

***4.2.3. Tính chủ quan của mối quan hệ văn hóa - tự nhiên***

Tự thân thiên nhiên, thế giới khách quan khi chưa ra nhập vào thế giới con người (một cách trực tiếp - qua cảm giác, tri giác, biểu tượng hay hoạt động đối tượng… hoặc gián tiếp - trong lôgíc, mô hình, dự báo…), thì đơn giản là con người không biết, không liên quan đến nó. Còn bất kỳ “sự liên quan” nào thì bằng chính việc đó đã là sự lắp đặt (trực tiếp hay gián tiếp) hiện tượng đó vào “thiên nhiên thứ hai”, vào văn hóa, bởi nó khêu gợi phản ứng đáp trả của ý thức, sự tò mò, giải thích… Con người biết về thế giới khách quan này chỉ vì họ tồn tại trong không gian và thời gian.

**4.3. Tính bị chế định lịch sử của văn hóa và ý nghĩa văn hóa của lịch sử**

***4.3.1. Tính bị chế định lịch sử của văn hóa***

Cách hiểu duy vật macxit về lịch sử xuất phát từ sự thừa nhận rằng, cơ sở của sự phát triển xã hội là hoạt động sản xuất của con người, là sự phát triển của sản xuất vật chất. Lĩnh vực sản xuất vật chất thể hiện là địa bàn chủ yếu của sự hiện thân đối tượng, là nơi thể hiện trực tiếp quan hệ con người với tự nhiên. Vì thế, trong nó chứa đựng những cơ sở xã hội của sự tiến bộ văn hóa và cả những mâu thuẫn đã diễn ra trong suốt quá trình đó của lịch sử.

***4.3.2. Ý nghĩa văn hóa của lịch sử***

Mỗi giai đoạn lịch sử đều là *sự thống nhất biện chứng của cái đã hình thành và cái đang hình thành*. Sự giải đối tượng hoá kinh nghiệm đã qua và các giá trị quá khứ không phải là sự tri nhận và tái tạo đơn thuần chúng, càng không phải là sự phá huỷ và phủ nhận chúng. Đó là sự kế thừa giữa các thế hệ người được thực hiện trên cơ sở giao tiếp đối thoại giữa họ. Chính là đối thoại, bởi vì ở đây con người nêu những câu hỏi của mình cho các bậc tiền bối và tìm trong kinh nghiệm của các vị đó lời giải cho những vấn đề của bản thân mình.

Và nội dung phổ biến đó của hoạt động sáng tạo được kết tụ trong văn hóa, cấu thành bản chất của nó như là quá trình con người chinh phục toàn diện thế giới. Sự phát triển xã hội được chủ nghĩa Mác xét như là quá trình lịch sử tự nhiên hiện ra theo nghĩa này gồm cả quá trình *văn hóa-lịch sử*, còn bản thân văn hóa là sự hiện thực hoá các lực lượng sáng tạo tổng thể của xã hội, là sự biểu hiện tập trung của khởi điểm tích cực trong lịch sử và theo nghĩa này là *nội dung của quá trình lịch sử*.

**4.4. Văn hóa và sự phát triển con người trong các hình thức lịch sử-cụ th**ể

***4.4.1. Cơ chế trao truyền giá trị văn hóa dưới góc nhìn biện chứng cái phổ biến - cái đơn nhất***

Chính sự tương thích với hiện thực xã hội hiện tồn vốn làm cho các biểu hiện riêng rẽ của hoạt động sáng tạo có ý nghĩa xã hội, mới chế định sự liên quan của chúng tới văn hóa. Đồng thời cả bản thân các chủ thể của hoạt động cải biến đối tượng, sáng tạo mới thể hiện là chủ thể của hiện thực xã hội đang là hiện thực của tồn tại xã hội của họ. Như vậy, chính hoạt động của cá nhân được trung giới bởi các quan hệ xã hội của bản thân nó và tổng thể các quan hệ đó mới xác định mức độ và xu hướng tiếp xúc của nó với văn hóa. Như vậy, các quan hệ xã hội xác định cả khả năng cá nhân nắm bắt hiện thực khách quan, năng lực chủ quan của nó biến hiện thực đó lẫn kinh nghiệm trước thành khách thể cho sáng tạo của bản thân.

***4.4.2. Văn hoá và sự phát triển con người trong xã hội đối kháng giai cấp***

Trong xã hội đối kháng giai cấp các hình thức xã hội của sự hiện thực hoá hoạt động cải biến đối tượng của con người - các quan hệ xã hội - đã hình thành dưới dạng tha hoá. Trong khi bằng cách đó tồn tại tách rời với hoạt động cải biến đối tượng, mà trước hết với hoạt động sản xuất vật chất của những người lao động, chúng trở thành nơi hoạt động đặc thù của những kẻ thống trị - đó là địa bàn quản lý. Kết quả là nội dung phổ biến của hoạt động sáng tạo bị bóp méo, nó thể hiện chỉ như chức năng của cái đặc thù. Điều này thể hiện ra thành, sự phát triển của văn hóa trong xã hội có giai cấp đối kháng diễn ra trong khuôn khổ sự thống nhất mâu thuẫn giữa cái toàn nhân loại và cái giai cấp.

***4.4.3. Chủ nghĩa xã hội với văn hóa, sáng tạo và sự phát triển con người.***

Cá nhân phát triển toàn diện là cá nhân thể hiện trong hoạt động của mình như sự nhân cách hoá các lực lượng xã hội, như là đại diện toàn quyền của cả xã hội. Nói cách khác, con người phát triển toàn diện là cá nhân làm các công việc của mình như công việc xã hội, một cách toàn diện, tức là nhìn thấy công việc đó trong khung cảnh lịch sử và đối với bất kỳ phần nào của công việc đó cũng thể hiện là chủ thể tự giác. Vì thế, cho dù nội dung cụ thể của hoạt động sáng tạo là gì chăng nữa, thì nó cũng là địa bàn để cá nhân tự giác sáng tạo ra lịch sử, và do vậy, ra chính mình.

**Tiểu kết chương 4**

Sự phân tích về mối quan hệ giữa con người - tự nhiên - xã hội đã cho thấy rõ hơn bản chất của văn hóa ở tầng cấu trúc của nó, tức là nhận thức về sự tồn tại của nó như thế nào. Đây là một trong những nhiệm vụ cần được bàn đến của triết học văn hóa. Có thể nói bản chất của văn hóa là hoạt động có mục đích của chủ thể (con người) trong quá trình hoạt động cải biến đối tượng tự nhiên.

**KẾT LUẬN**

Kết thúc công trình này, chúng tôi còn muốn thêm một lần nữa chú ý đến những điểm đặc biệt của nó. Trước hết cần nhấn mạnh rằng phân tích triết học về văn hóa chưa thể thâu tóm toàn bộ sự đa dạng và phong phú các biểu hiện cụ thể của đời sống văn hóa của xã hội và các cách tiếp cận khác nhau đối với việc nghiên cứu nó phù hợp với các nhu cầu của các bộ môn khoa học khác nghiên cứu văn hóa. Trong trường hợp này triết học có mục đích làm rõ cơ sở nội tại của sự đa dạng đó xuất phát từ việc khảo sát văn hóa trong tính chỉnh thể của nó, trong việc lý giải bản chất của nó như là hiện tượng phát triển lịch sử, trong việc suy ngẫm vị trí và vai trò của nó trong hệ thống các mối liên hệ xã hội của con người.

Loại nghiên cứu như vậy đòi hỏi cả một trình độ trừu tượng xác định bởi lẽ là nói về việc tìm kiếm những cơ sở lý luận - phương pháp luận cho việc nghiên cứu các biểu hiện văn hóa cụ thể và về việc làm rõ sự phụ thuộc của nó vào những cơ sở lý luận triết học chung của sự phân tích khoa học quá trình lịch sử.

Khoa học về văn hóa… Như đã biết, trong lịch sử triết học thuật ngữ đó đã được dùng không ít lần không chỉ để đặt đối lập các khoa học xã hội và khoa học tự nhiên mà còn có thể phủ định trên thực tế chính khả năng xây dựng khoa học về xã hội, phủ nhận các quy luật khách quan của sự phát triển xã hội. Vì thế rất quan trọng phải nhận thấy rằng, triết học văn hóa thực sự khoa học như là khoa học thực sự về văn hoá nhìn chung chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở và trong khuôn khổ cách hiểu duy vật về lịch sử. Các kết quả phân tích được thực hiện trong luận án từ lập trường và dưới giác độ cách hiểu duy vật về lịch sử đã cho phép, như chúng tôi hy vọng, kết luận rằng, chính trong văn hoá và thông qua văn hoá con người mới hiện ra như là chủ thể của hoạt động hiện thực hoá và khẳng định mình ở tư cách sinh thể xã hội, ở tư cách kẻ sáng tạo ra lịch sử.

Văn hoá chứa đựng khởi đầu hoạt động tích cực của tồn tại người, quá trình tạo lập, hình thành con người xã hội bởi chính mình trong tiến trình hoạt động cải biến đối tượng. Nhưng chính cách hiểu duy vật về lịch sử đã xác định những nguyên tắc nền tảng của sự phân tích khoa học về hoạt động đó, cho phép thâm nhập vào bí mật của việc, làm thế nào mà các kết quả hoạt động sáng tạo của con người gắn kết được với quá trình lịch sử khách quan, và bằng cách đó một cách biện chứng kết hợp sự thừa nhận vai trò sáng tạo của con người trong lịch sử với thừa nhận sự tác động của các quy luật khách quan của lịch sử. Cách hiểu duy vật về lịch sử mở ra con đường nghiên cứu một cách khoa học sự phát triển của con người trong lịch sử và các mâu thuẫn của sự phát triển đó. Chính đây là chìa khoá mà chúng tôi đã xác nhận ngay từ đầu, và thực hiện trong luận án sự phân tích các vấn đề của triết học văn hoá.

 Tiếp theo chúng tôi cũng không thể bỏ qua việc văn hóa tồn tại trong thế giới hiện nay như thế nào, cũng không thể bỏ qua đánh giá triết học đối với các xu hướng phát triển của nó. Khi chú ý đến vấn đề thống nhất và đa dạng các nền văn hóa, đặc thù và sự phân loại của chúng, sự tương tác, sự đa dạng kiểu của nội dung xã hội của chúng, chúng tôi đã xuất phát từ chỗ cuộc đấu tranh của các hệ tư tưởng tư sản và chủ nghĩa xã hội được thể hiện trong văn hóa, rằng cả trong lĩnh vực văn hóa sự đối kháng cơ bản cũng vẫn gắn liền với sự hiện diện trong thế giới hai hệ thống xã hội đối lập nhau là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

 Triết học văn hóa Mácxit vốn vạch mở trên nền và chất liệu lịch sử rộng lớn và cả luận chứng lý luận cho tư tưởng là, sự phát triển của văn hóa rốt cục không là gì khác ngoài là sự phát triển của chính con người trong lịch sử, đã góp phần cả vào việc nêu đặc trưng cho các triển vọng tạo lập tương lai cộng sản chủ nghĩa.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Đặng Hà Chi – Nguyễn Thị Huệ (2010), “Trần Đức Thảo với vấn đề nghiên cứu hiện tượng ý thức con người”, *Tạp chí Giáo dục lý luận* (7), tr.46-51.
2. Đặng Hà Chi – Tạ Vân Hà (2010), “Lý luận con đường thứ 3 của trào lưu dân chủ xã hội phương Tây hiện đai”*,* Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế : *Cơ sở lý luận của cánh tả nhìn từ quan điểm Macxit*, Trung tâm Nghiên cứu và phân tích chính sách tổ chức, tr.125-139.
3. Đặng Hà Chi – Tạ Vân Hà (2012) “Tôn giáo trong phân tâm học của Sigmund Freud”*,* Tọa đàm Quốc tế : *Tính hiện đại và đời sống tôn giáo hiện nay ở Việt Nam*, NXB Tôn giáo, tr.109-123.
4. Đặng Hà Chi (2012), “Định hướng phát triển kinh tế Việt Nam thập niên thứ hai thế kỷ XXI”*,* Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Bối cảnh thế giới hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Đặng Hà Chi (2012), “Các nguyên tắc duy vật trong việc hiểu văn hóa”*, Tạp chí Giáo dục lý luận* (7&8), tr.63-66.
6. Đặng Hà Chi (2014), “Nguồn gốc văn hóa của tôn giáo”, Kỷ yếu tọa đàm khoa học quốc tế: Tôn giáo và văn hóa một số vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Tôn giáo, tr.544-554
7. Đặng Hà Chi (2015), “Văn hóa Đông Tây qua tiếp cận so sánh”*, Tạp chí Dân tộc và thời đại* (179), tr.48-52.